Mẫu và Ký hiệu (Form & Serial): 1K26TKE
Số hóa đơn (Invoice No): 2110445

Nơi xuất vé (Issuing Office): Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
Địa chỉ (Address): Số 200, phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG - PHIẾU THU
TIỀN CƯỚC VẬN CHUYỂN VÀ PHÍ DỊCH VỤ
(SALES INVOICE/ RECEIPT)
Ngày (Date) 22 Tháng (Month) 10 Năm (Year) 2026

Đơn vị bán hàng (Seller): Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (Vietnam Airlines JSC)
Mã số thuế (VAT Code): 0100107518
Địa chỉ (Address): Số 200, phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tên người mua (Buyer): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
Mã số thuế (VAT Code): 0309391503
Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Budget-affiliated unit code):
Địa chỉ (Address): 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1. Tiền vé (Due to VietNam Airlines): **Loại tiền (Curr): VND**

1.1 Giá cước (Air fare):

Số vé (Ticket No)	Hành trình (Route)	Diễn giải (Detail)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thuế suất (VAT rate)	Thành tiền (Amount)
7382424236283	HANVNSGN		1	1.499.000	8%	1.499.000
7384406694910	HANVNSGN		1	150.000	8%	150.000
1.2 Thuế GTGT (Value Added Tax)						132.000
1.3 Phí khác (đã bao gồm VAT) (Other charges (included VAT))					8%	450.000
1.4 Tổng số tiền chưa bao gồm khoản thu hộ nhà chức trách (1.1+1.2+1.3) (Total mount excluding authorized collection)						2.231.000
2. Các khoản thu hộ nhà chức trách (đã bao gồm VAT) (Authorized collection (included VAT))						117.181
3. Tổng tiền trên vé (Total) (1.4+2)						2.348.181
4. Các khoản phí khác (Charge not shown in ticket)						
4.1 Phí GLP (GLP charge):						
4.2 Phí xuất vé (Service charge):						
4.3 Thuế GTGT của phí (VAT on service charges):						
4.4 Tổng tiền phí dịch vụ sau thuế (Total charges after VAT) (4.1+4.2+4.3)						
Tổng số tiền thanh toán (Grand Total Equivalent amount paid):						2.348.181

Tổng số tiền bằng chữ (In words): Hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn một trăm tám mươi một đồng
Hình thức thanh toán (Form of payment):

VN 2.348.181

Người mua hàng (Buyer)
Ký, ghi rõ họ, tên (Signature & fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên (Signature & fullname))

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)
Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
(Vietnam Airlines JSC)

Ký ngày (Signed date): 2026-10-22T15:14:17

Công ty cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: **Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Hàng Không**, Mã số thuế: 0103019524
Software provided by Aviation Information Telecommunication Solutions JSC, Tax Code: 0103019524
Mã tra cứu hóa đơn (Invoice ref code): **267YJE6ZZNMS** Địa chỉ tra cứu hóa đơn (Invoice ref address): **https://einvoice.vietnamairlines.com**